

Bản án số: 236/2017/HSPT
Ngày 29-11-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Quảng

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Đức Kỳ

Ông Bùi Trọng Danh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hữu Đãi Em - Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 205/2017/HSPT ngày 20/10/2017 đối với bị cáo Trần Anh T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 101/2017/HSST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo kháng cáo: **Trần Anh T**, sinh năm 1985 tại Đà Nẵng; Nơi ĐKNKTT: Tổ x phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở: Số y đường Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; Trình độ văn hóa: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Con ông Trần Xuân H (s) và bà Nguyễn Thị Lệ T (s); Có vợ là Trương Thị Kiều L và 01 con sinh năm 2015

Tiền án:

- Ngày 27/5/2004 bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 04 năm tù về các tội “Trộm cắp tài sản” và “Cướp giật tài sản”

- Ngày 28/7/2008 bị Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xử phạt 05 năm 09 tháng tù về các tội “Trộm cắp tài sản” và “Cướp giật tài sản”.

- Ngày 23/7/2015 bị Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 06/6/2017.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận T và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 04/6/2017, Trần Anh T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 43E1-229.65 chở chị Nguyễn Thị Thanh D đến nhà nghỉ Bảo C tại số y Nguyễn Tất T, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng thuê phòng nghỉ và được bố trí phòng 301. Khoảng 20 phút sau, trong lúc chị D đang tắm, T đi ra ngoài hành lang hút thuốc. Lúc này T thấy phòng 302 có đèn sáng nhưng cửa ra vào khép hờ nên đột nhập vào bên trong phòng 302 trộm cắp của anh Lê Thanh T 01 ví da màu nâu nhãn hiệu PT2000, bên trong ví có: số tiền 7.126.500 đồng, 50.000 rubiah Indonesia, 100 dollar Canada, 100 dollar Australia, 10 dollar Singapore và 17 dollar Mỹ. T bỏ chiếc ví vào trong túi quần jean của mình rồi đi ra ngoài về lại phòng 301. Sau đó T nói dối chị D là gặp người quen trong nhà nghỉ không tiện ở lại nên xuống quầy lễ tân trả phòng rồi đến nhà nghỉ Anh T ở số 4x Đồng K, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng thuê phòng để tiếp tục ở. Tổng giá trị tài sản Trần Anh T chiếm đoạt là 11.154.931 đồng

Tại Bản án sơ thẩm số 101/2017/HSST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Áp dụng Điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Trần Anh T 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 06/6/2017.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo.

Ngày 24/9/2017 bị cáo Trần Anh T có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, xin xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Anh T được thực hiện theo đúng quy định pháp luật, trong thời hạn kháng cáo. Đồng thời nhận định Bản án sơ thẩm số 101/2017/HSST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân quận T xét xử bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng theo quy định của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 03 năm tù là không nặng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Bị cáo Trần Anh T thừa nhận Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận T xét xử bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự là

đúng, bị cáo giữ nguyên đơn kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Anh T khai nhận hành vi phạm tội của mình: vào khoảng 20 giờ ngày 04/6/2017 bị cáo lén lút trộm cắp 01 ví da màu nâu bên trong có số tiền 7.126.500 đồng, 50.000 rubiah Indonesia, 100 dollar Canada, 100 dollar Australia, 10 dollar Singapore và 17 dollar Mỹ. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 11.154.931 đồng. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định Bản án sơ thẩm số 101/2017/HSST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân quận T xét xử bị cáo Trần Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của bị cáo Trần Anh T: Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo đã nhiều lần bị kết án về các tội xâm phạm sở hữu như Cướp giật tài sản, Trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 03 năm tù là phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Anh T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Trần Anh T** 03 (ba) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 06/6/2017.

2. Về án phí: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo **Trần Anh T** phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-CATP ĐN (PV 27);
- VKSND quận T;
- Công an quận T;
- TAND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Sở Tư pháp TPĐN;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Quảng